

Bản án số: 84/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Qui.

2. Bà Trịnh Thị Trúc Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: ông Đỗ Thành Nghiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Hà Văn T, sinh năm 1955 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1.1.1. Ông Hà Thanh L, sinh năm: 1983 (có mặt).

1.1.2. Bà Đặng Thị Á, sinh năm 1954 (vắng mặt).

1.1.3. Ông Hà Đặng T1, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: D, Bế Văn Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị Á và ông Hà Đăng T1 là ông Hà Thanh L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Hà Văn T trong cùng vụ án.

1.2. Bà Hà Ngọc T2, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trương Mộng N, sinh năm: 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị T3, sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1. Bà Hà Ngọc C, sinh năm: 1982 (có mặt).

3.2. Ông Trần Thiên T4, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

3.3. Bà Hà Ngọc B, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

3.4. Ông Lê Cẩm V, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

3.5. Ông Hà Minh T5, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

3.6. Bà Hà Ngọc M (vắng mặt)

3.7. Bà Hà Mộng T6 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.8. Bà Hà Mộng T7, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 H, phường D, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.9. Ông Phùng Bá N1, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: K, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: 421/25/11 đường B, phường I, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Hà Văn T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Hà Thanh L trình bày:

Ông Hà Chí N2 (hy sinh năm 1969) liệt sĩ và bà Trần Thị L1 (mất năm 2017) có 03 người con tên Hà Văn T, Hà Ngọc T2, Hà Văn T8 (mất năm 2021). Ông T8 có vợ là Trương Thị T3 cùng các con là Hà Mộng T6, Hà Minh T5, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M, Hà Minh T9 (đã chết lúc còn nhỏ không có người thừa kế).

Ông Hà Chí N2 chết không để lại di chúc. Khi bà L1 còn sống có tạo lập được phần đất diện tích 5.499m² tại các thửa đất 523, 524, 525, tọa lạc tại ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ngày 21/10/1997. Đến năm 2017, bà L1 chết không để lại di chúc. Hiện tại, phần đất trên đang được bà Trương Thị T3 quản lý sử dụng, bà T3 cất nhà ở một phần, con bà T3 là Hà Ngọc C ở trong căn nhà của bà L1 chết để lại, Hà Ngọc B cất nhà ở kế bên. Bà T3 cất nhà trên phần đất khi bà L1 còn sống. Còn bà C, bà B sửa chữa và xây dựng nhà không có xin phép ông T, bà T2.

Vì vậy, ông Hà Văn T và bà Hà Ngọc T2 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. ông T yêu cầu nhận phần nhà tại vị trí căn nhà do bà L1 chết để lại để làm nơi thờ cúng. Yêu cầu chừa phần nền mộ và lối đi vô mộ 02 m. Đối với phần mộ chỉ được thăm viếng không được xây thêm phần mộ nào.

Quá trình tố tụng ông Hà Văn T chết (năm 2023), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là: bà Đặng Thị Á vợ ông T và các con là ông Hà Thanh L, Hà Đăng T1 tham gia tố tụng. Bà Đặng Thị Á, ông Hà Đăng T1 uỷ quyền cho ông Hà Thanh L tham gia giải quyết toàn bộ vụ án. Tại Biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và Hoà giải ngày 29/8/2024, ông Hà Thanh L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 5.153 m². Ông Hà Thanh L yêu cầu được nhận phần đất có ký hiệu vị trí số (7) của Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1. Nếu phần đất các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T yêu cầu nhận vượt mức quy định pháp luật sẽ trả giá trị lại cho bên phía bà T3. Nếu giá trị phần đất người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T nhận có giá trị thấp hơn thì buộc phía bà T3 phải trả thêm giá trị cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T.

Đối với phần đất có vị trí số (1), (2) là lối đi vô mộ và phần đất mộ để sử dụng chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với căn nhà có ký hiệu (c) do bà T3 xây dựng và đang sử dụng tại phần đất có vị trí số (6); căn nhà của bà L1 chết để lại do bà C đang sử dụng có ký hiệu (a) trên phần đất có ký hiệu

vị trí số (3), căn nhà bà **B** đang sử dụng có ký hiệu (b) trên phần đất có ký hiệu vị trí số (4) và toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây trồng nguyên đơn không tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với phần đất tại vị trí số (3), (4), (6) thống nhất cho bà **T3** và các con bà **T3** sử dụng, nhưng phải tính 01 suất thừa kế theo pháp luật tương đương với ông **T**, bà **T2**, nếu dư thì bà **T3** và các con phải trả giá trị cho các đồng thừa kế còn thiếu.

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà **Hà Ngọc T2** do người đại diện theo uỷ quyền bà **Trương Mộng N** trình bày:*

Bà **T2** thống nhất với phần trình bày của ông **Hà Thanh L** về hàng thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế. Bà **T2** đồng ý rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản gắn liền trên đất, thống nhất với yêu cầu chia thừa kế về đất như lời trình bày của ông **L**, bà **Hà Ngọc T2** yêu cầu được chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 1.098,8 m² tại vị trí số (5) của Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của **công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1**.

Đối với phần đất có vị trí số (1), (2) là lối đi vô mộ và phần đất mộ để sử dụng chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với căn nhà có ký hiệu (c) do bà **T3** xây dựng và đang sử dụng tại phần đất có vị trí số (6); căn nhà của bà **L1** chết để lại do bà **C** đang sử dụng có ký hiệu (a) trên phần đất có ký hiệu vị trí số (3), căn nhà bà **B** đang sử dụng có ký hiệu (b) trên phần đất có ký hiệu vị trí số (4) và toàn bộ công trình, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền trên đất bà **T2** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với phần đất tại vị trí số (3), (4), (6) thống nhất cho bà **T3** và các con bà **T3** sử dụng, nhưng phải tính 01 suất thừa kế theo pháp luật tương đương với ông **T**, bà **T2**. Nếu phần đất bà **T2** yêu cầu nhận vượt mức quy định pháp luật, bà **T2** sẽ trả giá trị lại cho bên phía bà **T3**. Nếu thấp hơn thì buộc phía bà **T3** phải trả thêm giá trị cho bà **T2**.

Ngày 10/5/2024, bà **Hà Ngọc T2** có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung: Bà **Hà Ngọc T2** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Phùng Bá N1** trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 28/10/1997 do hộ bà **Trần Thị L1** đứng tên chủ sử dụng, cho các đồng thừa kế của bà **Trần Thị L1** để chia thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với khoản nợ bà **Trần Thị L1** thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng là bà **L1** vay cho bà **T2**. Nay ông **N1** yêu cầu bà **T2** trả số tiền 39.947.000 đồng và yêu cầu trả lãi suất theo quy định từ ngày 28/3/2017 đến ngày xét xử, thì bà **T2** chỉ đồng ý trả số tiền 25.528.367 đồng theo Công văn số

355A ngày 18/7/2024 của Ngân hàng N4 chi nhánh thị xã L, còn phần tiền lãi phát sinh bà T2 không đồng ý trả, vì hiện nay bà T2 đã lớn tuổi, không làm ra được thu nhập.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Trương Thị T3 trình bày ý kiến:

Tôi thống nhất với phần trình bày của các nguyên đơn về di sản thừa kế, hàng thừa kế. Tôi không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất có vị trí số (6). Lý do tôi đã được bà L1 cho sử dụng khoảng 40 năm, tôi đã xây nhà kiên cố, căn nhà có ký hiệu (c) trên phần đất có vị trí số (6), trồng cây lâu năm, đồng thời gia đình tôi có công sức đóng góp trong việc bảo quản, tôn tạo di sản, chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng cha mẹ. Đối với phần đất số (1), (2) là lối đi vô mộ và phần đất mộ để sử dụng chung không tranh chấp, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các phần đất còn lại tôi đồng ý chia thành 03 phần theo quy định pháp luật. Nhưng tôi không đồng ý trả giá trị cho bên nguyên đơn, vì hoàn cảnh tôi khó khăn, tôi không có tiền để trả giá trị cho nguyên đơn.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 20/5/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phùng Bá N1 trình bày:

Tôi yêu cầu các đồng thừa kế của bà Trần Thị L1 trong vụ án phải trả cho tôi toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi tôi đã trả thay cho cụ L1 tại Ngân hàng N4 chi nhánh thị xã L với tổng số tiền 39.947.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ tháng 06/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Phùng Bá N1 trình bày: Tôi yêu cầu bà Hà Ngọc T2 phải trả lại cho tôi số tiền mà tôi đã đứng ra trả nợ Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã L (sau đây gọi tắt là ngân hàng) thay cho bà T2. Lúc còn sống, bà Trần Thị L1 có vay dùm bà T2 một khoản tiền để bà T2 cất nhà để ở, bà L1 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 do hộ bà Trần Thị L1 đứng tên chủ sử dụng để đảm bảo khoản vay nêu trên. Khi khoản vay quá hạn thì bà L1 có yêu cầu tôi bỏ tiền ra để trả nợ và lấy bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, tôi giữ cho đến nay. Do chứng cứ tôi yêu cầu tòa án thu thập được chỉ chứng minh được số tiền vay là 25.528.367 đồng. Đồng thời khoản nợ này chỉ liên quan đến bà T2, không liên quan đến tất cả hàng thừa kế của bà L1, việc tôi trả dùm nợ cho bà T2 là do bà L1 yêu cầu và bà T2 cũng đồng ý, hai bên không có thoả thuận gì thêm, khi trả tiền tại ngân hàng cũng có mặt bà T2. Sau khi trả tiền xong, tôi và bà T2 cũng không có phát sinh tranh chấp, tôi nghĩ là bà con họ hàng nên bỏ tiền ra để trả nợ thay, tôi cũng không có thoả thuận lãi suất, không có đòi bà T2 phải trả lại

khoản nợ này. Tôi và bà T2 mới phát sinh tranh chấp từ khi bà T2 và ông T phát sinh tranh chấp yêu cầu chia thừa kế với bà T3 tại địa phương. Lúc đó tôi mới yêu cầu bà T2 trả lại tiền, tôi có đòi bà T2 số tiền nêu trên, nhưng đến nay bà T2 vẫn chưa thực hiện.

Do đó, tôi rút lại một phần yêu cầu độc lập. Cụ thể là: Tôi chỉ yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 25.528.367 đồng và yêu cầu trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật, kể từ khi phát sinh tranh chấp cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tôi không yêu cầu các đồng thừa kế của bà L1 có trách nhiệm trả nợ cùng bà T2, vì đây là khoản nợ riêng của bà T2 với tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Ngọc B trình bày ý kiến:

Tôi là con của ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3, tôi đang ở trên phần đất tranh chấp từ năm 2020 cho đến nay. Nguồn gốc là do cha tôi tên Hà Văn T8 cho tôi sử dụng, tôi đã cất nhà có ký hiệu (b) trên phần đất tranh chấp vị trí số (4), hiện không có giấy tờ cho đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này tôi không có yêu cầu công nhận phần đất vị trí số (4) và căn nhà có vị trí (b) theo lược đồ cho tôi. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đối với công trình vật kiến trúc do vợ chồng tôi xây dựng, tôi cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do tôi không có tiền để trả giá trị phần đất cho các đồng thừa kế của bà L1, chỉ mong Tòa án xem xét tạo điều kiện cho tôi được ổn định sử dụng phần đất và nhà tôi đang sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Cẩm V trình bày ý kiến:

Tôi là con rể của ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3, tôi là chồng của bà Hà Ngọc B. Tôi thống nhất với phần trình bày của vợ tôi là bà Hà Ngọc B. Tôi cất nhà và sử dụng phần đất đang tranh chấp như bà B trình bày. Trong vụ án này tôi không có yêu cầu gì. Đối với phần đất tôi đã cất nhà ở tôi yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật đối với công trình vật kiến trúc cây trồng trên đất tranh chấp tôi không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nếu sau này có phát sinh tranh chấp tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Ngọc C trình bày ý kiến:

Tôi là con của ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3. Ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3 có 07 người con: Hà Ngọc C, Hà Ngọc B, Hà Minh T5, Hà Ngọc M, Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Minh T9 (đã chết từ lúc nhỏ không người thừa kế). Trong phần di sản của ông bà nội tôi là Hà Chí N2 và bà Trần Thị L1 thì tôi đang sử dụng một phần, tôi đang ở trong căn nhà của bà L1 chết để lại có ký hiệu (a), tại phần đất có vị trí (3) theo lược đồ từ năm 2018 cho đến nay. Khi về ở do nhà không còn sử dụng được nên tôi có lợp lại mái nhà và che thêm một phần nhà sau. Trong vụ án này, tôi không có yêu cầu gì, việc tôi sửa chữa, tôn tạo nhà của bà L1 chết để lại là để gia đình tôi ở, tôi không yêu cầu giải quyết về đối với căn nhà tôi đã sửa. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất số (6) không chia thừa kế, để lại để thờ cúng ông bà, cha mẹ. Phần còn lại có yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế của bà L1, tôi không đồng ý với việc trả lại giá trị phần đất cho bên nguyên đơn. Bởi vì tôi có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có sổ hộ nghèo, không có tiền trả giá trị phần đất cho các đồng thừa kế của bà L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Thiên T4 trình bày ý kiến:

Tôi là chồng của bà Hà Ngọc C, hiện tại tôi đang sống trên phần đất tranh chấp, tại căn nhà do bà L1 chết để lại có vị trí (a) trên phần đất tranh chấp có vị trí (3) theo lược đồ. Tôi về ở năm 2018, lúc đó căn nhà không còn sử dụng được, tôi có lợp lại mái nhà và che thêm một phần nhà sau. Đối với việc tôi sửa chữa, tôn tạo nhà tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với việc tranh chấp chia thừa kế tôi không có ý kiến yêu cầu gì, tôi đồng ý giao toàn quyền cho bà Hà Ngọc C quyết định. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hà Minh T5 trình bày ý kiến:

Tôi là con của ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3. Đối với tranh chấp thừa kế giữa ông Hà Văn T, bà Hà Ngọc T2 với mẹ tôi Trương Thị T3 tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với nội dung số tiền trả nợ Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã L, đối với khoản nợ của bà Trần Thị L1, tôi đã được Tòa án thông báo các chứng cứ do ngân hàng cung cấp tôi có ý kiến như sau: Khi đi trả nợ Ngân hàng thì tôi đi cùng bà T2 với ông N1, toàn bộ số tiền trả nợ cho ngân hàng là của ông Phùng Bá N1, tôi chỉ

đứng ra ký tên vào các chứng từ thanh toán nợ, nên tôi thống nhất giao toàn quyền cho ông N1 quyết định. Do tôi đi làm ăn xa, nên tôi yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Mộng T7 trình bày ý kiến:

Tôi là con của ông Hà Văn T8 và bà Trương Thị T3. Đối với tranh chấp thừa kế giữa ông Hà Văn T, bà Hà Ngọc T2 với mẹ tôi Trương Thị T3 tôi chỉ đồng ý chia phần đất trên lộ thành 03 phần bằng nhau cho gia đình bà T2, ông T và mẹ tôi là bà T3. Tôi đồng ý chừa phần nền mộ như biên bản thẩm định. Còn phần đất dưới sông Cái Lớn cha mẹ tôi đã được ông bà nội cho đất cất nhà ở ra riêng, cha mẹ tôi đã cất nhà ở từ trước đến nay, ông bà nội chết thì cha mẹ tôi cũng là người thờ cúng. Vì vậy tôi không đồng ý chia phần này. Do điều kiện công việc ở xa nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Mộng T6 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến:

Hiện nay do tôi đi làm ăn xa, không về tham dự tại Toà án về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất của bà Trương Thị T3, mọi quyết định của Toà án theo qui định pháp luật tôi đều đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Ngọc M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến:

Hiện nay do tôi đi làm ăn xa, không về tham dự tại Toà án về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất của bà Trương Thị T3, mọi quyết định của Toà án theo qui định pháp luật tôi đều đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn T, bà Hà Ngọc T2. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của ông Phùng Bá N1.

Giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T gồm ông Hà Thanh L, Hà Đặng T1 và bà Đặng Thị Á được quyền sử dụng phần đất

số (7) loại đất CLN, có diện tích 1.448,7m².

Giao cho bà Hà Ngọc T2 được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số (5), loại đất CLN, có diện tích 1.098,8 m².

Ổn định sử dụng và giao cho những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Minh T5, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M được quyền sử dụng phần đất có vị trí số (3) có diện tích 793,7m² trong đó có 40m² loại đất ODT, 753,7m² loại đất CLN; vị trí số (4) loại đất CLN, có diện tích 509,5m²; vị trí số (6), loại đất CLN, có diện tích 954m².

Các phần đất nêu trên thuộc Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty Đ1.

Bà Hà Ngọc T2, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T, những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Phùng Bá N1 phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 cấp cho hộ bà Trần Thị L1 cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1.

Buộc bà Hà Ngọc T2 phải trả lại cho ông Phùng Bá N1 số tiền 25.528.367 đồng. Chấp nhận yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền ông N1 yêu cầu từ khi phát sinh tranh chấp cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng, án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Hà Văn T, bà Hà Ngọc T2 khởi kiện bị đơn bà Trương Thị T3 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Bà Hà Ngọc T2 khởi kiện ông Phùng Bá Nam k đòi lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Phùng Bá Nam k đòi bà Hà Ngọc T2 phải trả lại số tiền ông N1 đã trả nợ thay cho bà T2 nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Thừa kế tài sản và tranh chấp quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ theo khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bà Hà Mộng T7, Hà Ngọc M, Hà Ngọc T10, Hà Ngọc B, ông Trần Thiên T4, Hà Minh T5, Lê Cẩm V có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp do các bên thừa nhận là của ông Hà Chí N2 (chết năm 1969) và bà Trần Thị L1 (chết năm 2017) tạo lập, ông N2 và bà L1 chết không để lại di chúc. Ông N2 và bà L1 có 03 người con tên Hà Văn T (chết năm 2023), Hà Văn T8 (chết năm 2021) và Hà Ngọc T2. Ông N2 và bà L1 không có con riêng, không có con nuôi.

[4] Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1 gồm có: Ông Hà Văn T8, ông Hà Văn T, bà Hà Ngọc T2. Ông Hà Văn T8 chết năm 2021, có vợ là Trương Thị T3 cùng các con là Hà Ngọc T10, Hà Minh T5, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M là người thừa kế chuyển tiếp. Ông Hà Văn T chết năm 2023, có vợ là Đặng Thị Á, con là Hà Thanh L, Hà Văn T11 là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng.

[5] Về di sản thừa kế: Tuy các bên thừa nhận tài sản bà L1 chết để lại là do ông Hà Chí N2 và bà Trần Thị L1 tạo lập, nhưng ông N2 đã chết năm 1969, đến năm 1997, bà Trần Thị L1 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017, bà Trần Thị L1 chết, để lại tài sản gồm phần đất có tổng diện tích 5.499m² tại các thửa đất 523 diện tích 760m² loại đất Q, thửa đất 524 diện tích 100m² loại đất T, thửa đất 525 diện tích 4.589m²; sau khi cắt ven sông thửa 523 diện tích 300m² tổng diện tích còn lại của Hộ Trần Thị L1 được sử dụng là 5.149m², địa chỉ thửa đất: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ), được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 do hộ bà Trần Thị L1 đứng tên chủ sử dụng. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì di sản do bà Trần Thị L1 chết để lại gồm: Phần đất có tổng diện tích đo đạc thực tế là 5.153m², loại đất ODT và CLN, địa chỉ thửa đất thuộc ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, và căn nhà có ký hiệu (a), tại phần đất có vị trí (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1.

[6] Mặc dù phần đất được cấp cho hộ bà Trần Thị L1, quá trình tố tụng các bên đều thừa nhận bà L1 sống riêng, ông Hà Văn T8 và vợ con không sống chung với bà L1. Ông Hà Văn T8 cùng vợ và các con có công sức đóng góp trong việc trực tiếp sử dụng, canh tác phần đất, khi bà L1 già yếu thì có công trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bà L1 đến cuối đời, sau khi bà L1 mất có công sức bảo quản, tôn tạo di sản của bà L1 và thờ cúng bà L1 và ông N2. Về chi phí chăm sóc, phụng dưỡng,

điều trị, mai tang do các đồng thừa kế của bà L1 cùng bỏ ra. Bà L1 chết không có nợ ai. Đối với bà Hà Ngọc T2, ông Hà Văn T có gia đình, chuyển đi địa phương khác sinh sống. Nên các đương sự thừa nhận đó là tài sản của bà L1 không phải là tài sản của hộ bà Trần Thị L1 là đúng với quy định tại khoản 29 Điều 3, Điều 166, 167, 168 Luật đất đai 2013. Hiện tại, phần đất trên đang được bà Trương Thị T3 quản lý sử dụng, bà T3 cất nhà ở một phần, bà Hà Ngọc C ở trong căn nhà của bà L1 chết để lại, Hà Ngọc B cất nhà ở một phần.

[7] Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 xác định: Khi còn sống, bà L1 có cho ông T8 và bà T3 phần đất có vị trí số (6) có diện tích đo đạc thực tế là 954m², loại đất CLN, để cất nhà ở và sử dụng ổn định cho đến nay khoảng 40 năm. Nhưng những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 không cung cấp được chứng cứ, chứng minh về việc tặng cho và sử dụng ổn định liên tục phần đất trên 40 năm. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại Tòa án, các bên đều thừa nhận gia đình ông Hà Văn T8 có công là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bà L1 đến cuối đời, có công trực tiếp mai tang, thờ cúng, bảo quản, tôn tạo di sản của bà L1 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8, tính phần công sức đóng góp của những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 trong khối di sản của bà L1, Hội đồng xét xử ổn định sử dụng và giao phần đất có vị trí số (6) có diện tích 954m², loại đất CLN, có giá trị 165.042.000đồng cho những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 sử dụng không chia thừa kế đối với phần đất này.

[8] Đối với căn nhà do bà L1 chết để lại có ký hiệu (a), tại phần đất có vị trí (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 do bà Hà Ngọc C đang sử dụng. Nguyên đơn bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến di sản là căn nhà bà L1 chết để lại, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút. Đối với phần đất có vị trí số (1) có tổng diện tích 204,7m², trong đó có 60m², loại đất ONT, 144,7m² loại đất CLN là phần lối đi vô mộ; phần đất có vị trí số (2) có diện tích 143,6m², loại đất CLN là phần đất mộ, bà T2, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T và những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 thống nhất sử dụng chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây trồng gắn liền trên đất toàn bộ phần đất có vị trí (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày

28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1, nguyên đơn bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T do ông Hà Thanh L đại diện xác định không tranh chấp với những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[9] Đối với phần đất còn lại tại các phần đất có vị trí số (3) có tổng diện tích 793,7m², trong đó có 40m² loại đất ODT và 753,7 m² loại đất CLN; vị trí số (4) loại đất CLN, có diện tích 509,5m²; vị trí số (5), loại đất CLN, có diện tích 1.098,8m²; vị trí số (7), loại đất CLN, có diện tích 1.448,7m² theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 bị đơn đồng ý chia thành 03 phần cho các đồng thừa kế của bà L1 theo quy định pháp luật.

[10] Căn cứ vào chứng thư định giá tài sản số 192/BDS ngày 31/7/2023 của Công ty cổ phần T12 cụ thể như sau: Phần đất có vị trí số (3) gồm: Loại đất ODT, diện tích 40m², có giá trị là 98.480.000đồng và diện tích 753,7m², loại đất CLN, có giá trị 130.390.100đồng. Phần đất có vị trí số (4) loại đất CLN, có diện tích 509,5m², có giá trị 88.143.500đồng. Phần đất có vị trí số (5), loại đất CLN, có diện tích 1.098,8 m², có giá trị 190.092.400 đồng. Phần đất có vị trí số (7), loại đất CLN, có diện tích 1.448,7m², có giá trị 250.625.100đồng. Tổng giá trị phần đất tại các vị trí số (3), (4), (5), (7) có giá trị là 757.731.100đồng. Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 thống nhất chia thừa kế theo pháp luật, chia thành 03 suất thừa kế gồm ông Hà Văn T8, Hà Ngọc T2, Hà Văn T mỗi người được hưởng 01 suất ngang nhau có giá trị 252.577.033đồng.

[11] Căn cứ quy định tại Điều 613 Bộ luật dân sự quy định: “Người thừa kế là cá nhân phải còn sống tại thời điểm mở thừa kế...”. Bà L1 chết năm 2017, Hà Văn T8 chết năm 2021, ông Hà Văn T chết năm 2023. Tại thời điểm mở thừa kế ông T8, ông T còn sống và không thuộc trường hợp không có quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự. Do đó, những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T được nhận phần quyền thừa kế của ông T8, ông T theo quy định pháp luật. Từ những chứng cứ nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 cụ thể như sau:

[12] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn ông Hà Văn T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Hà Thanh L, Đặng Thị Á, Hà Đặng T1. Giao phần đất có vị trí số (7) loại đất CLN, có diện tích 1.448,7m² cho người kế thừa

quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Hà Văn T gồm: ông Hà Thanh L, bà Đặng Thị Á, Hà Đặng T1 sử dụng.

[13] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Hà Ngọc T2. Giao cho bà Hà Ngọc T2 có quyền sử dụng phần đất có vị trí số (5), loại đất CLN, có diện tích 1.098,8m².

[14] Phần còn lại ổn định sử dụng và giao cho những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm: Bà Trương Thị T3, Hà Ngọc T10, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M và ông Hà Minh T5 có quyền sử dụng phần đất có vị trí số (3) có tổng diện tích 793,7m², trong đó có: diện tích 40m², loại đất ODT và loại đất CLN, diện tích 753,7m²; phần đất có vị trí số (4) loại đất CLN, có diện tích 509,5m². Các phần đất nêu trên thuộc Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1.

[15] Như vậy, tổng phần giá trị tài sản những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 được nhận là 317.013.600đồng là nhiều hơn suất thừa kế mà các đồng thừa kế khác được nhận nên những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 có nghĩa vụ phải trả giá trị phần vượt hơn cho các đồng thừa kế. Cụ thể là buộc những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 có nghĩa vụ trả giá trị số tiền 1.951.933 đồng cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T và trả giá trị số tiền 62.484.633đồng cho bà Hà Ngọc T2.

[16] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hà Ngọc T2 đối với ông Phùng bá N3 và yêu cầu độc lập của ông Phùng Bá N1 đối với bà Hà Ngọc T2: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà T2 thừa nhận khoản nợ Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã L là bà Trần Thị L1 vay dùm bà T2, ông Phùng Bá N1 đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi thay cho bà T2 và bà L1. Hiện nay, ông N1 đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 do hộ bà Trần Thị L1 đứng tên chủ sử dụng. Do đó, bà T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên cho các đồng thừa kế của bà Trần Thị L1 để chia thừa kế theo quy định pháp luật. Bà T2 đồng ý trả lại cho ông N1 số tiền 25.528.367đồng nợ gốc và lãi theo chứng cứ phía Ngân hàng cung cấp. Bà T2 không đồng ý trả lãi suất do bà T2 có hoàn cảnh khó khăn không có thu nhập, không có tiền trả lãi suất.

[17] Quá trình tố tụng, ông N1 yêu cầu các đồng thừa kế của bà L1 phải trả lại cho ông N1 số tiền là 39.988.000đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 28/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông N1 rút lại một phần

yêu cầu độc lập, không yêu cầu các đồng thừa kế của bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mà xác định đây là khoản nợ riêng của bà T2 và ông N1. Do đó, ông N1 chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N1 số tiền 25.528.367 đồng. Ông N1 yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ khi phát sinh tranh chấp ngày 26/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 10%/năm, tức là 0.833%/tháng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với số tiền 8.931.354 đồng. Tổng số tiền ông N1 yêu cầu là 34.459.721 đồng. Ông N1 đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 28/10/1997 do hộ bà Trần Thị L1 đứng tên cho các đồng thừa kế của bà L1 ngay sau khi ông N1 nhận được tiền từ bà T2.

[18] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Qua xem xét các hoá đơn chứng từ trả nợ tại Ngân hàng N4 chi nhánh thị xã L cung cấp thể hiện số tiền 25.528.367 đồng do ông Hà Minh T5 ký tên trên chứng từ trả nợ. Căn cứ lời thừa nhận của phía bà T2, lời trình bày của ông T5 và ông N1 là phù hợp, thể hiện toàn bộ số tiền 25.528.367 đồng là do ông N1 đưa cho ông T5 để trả nợ thay cho bà T2, ông T5 chỉ ký tên trên chứng từ trả nợ cho ngân hàng, ông T5, bà T2 cũng đồng ý với việc bà T2 trả số tiền 25.528.367 đồng cho ông N1. Đối với yêu cầu tính lãi suất, phía bà T2 và ông N1 đều thừa nhận hai bên không có thoả thuận tính lãi suất, kể từ khi ông N1 trả nợ thay thì ông N1 cũng không đòi bà T2 phải trả lại số tiền nêu trên. Giữa ông N1 và bà T2 chỉ phát sinh tranh chấp, khi bà T2, ông T tranh chấp với bà T3, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hoà giải ở địa phương. Căn cứ ngày ông T, bà T2 yêu cầu hoà giải ở cơ sở ghi trên văn bản thoả thuận là ngày 26/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng x 0.833% với số tiền 8.931.354 đồng. Do đó, ông N1 yêu cầu buộc bà T2 có nghĩa vụ trả cho ông N1 số tiền 34.459.721 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ông N1 cũng đồng ý trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của bà L1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời, căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của ông Phùng Bá N1 về việc yêu cầu bà T2 trả lại số tiền nợ gốc là 39.988.000đồng - 25.528.367 đồng = 14.459.633 đồng.

[19] Trong vụ án này, những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Minh T5, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M không có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, cũng không có tranh chấp về công trình, vật kiến trúc, cây trồng gắn liền trên toàn bộ phần đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật giao phần

đất có vị trí số (3), (4), (6) có diện tích như đã nhận định nêu trên cho những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 sử dụng. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về việc chia tài sản chung, những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[20] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[21] Về chi phí tố tụng: do ông Hà Thanh L nộp xong với tổng số tiền 13.299.000đồng. Mỗi người thừa kế phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần tài sản được chia cụ thể như sau: Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 phải chịu với số tiền 5.823.000đồng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T phải chịu 3.738.000đồng; bà Hà Ngọc T2 phải chịu 3.738.000đồng. Do đó, những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 phải trả lại cho ông Hà Thanh L số tiền 5.823.000đồng, bà Hà Ngọc T2 phải trả cho ông Hà Thanh L số tiền 3.738.000đồng. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T phải liên đới chịu số tiền 3.738.000đồng.

[22] Về án phí: Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu cụ thể như sau:

[23] Nguyên đơn ông Hà Văn T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: bà Đặng Thị Á, ông Hà Thanh L, Hà Đặng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 12.628.851 đồng. Bà Đặng Thị Á có đơn yêu cầu miễn án phí với lý do là người cao tuổi là có cơ sở nên chấp nhận miễn án phí cho bà Á với số tiền 4.209.617 đồng, phần còn lại ông Hà Thanh L và Hà Đặng T1 phải liên đới chịu với số tiền 8.419.234 đồng.

[24] Bà Hà Ngọc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 12.628.851đồng đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và án phí đối với yêu cầu kiện đòi tài sản của ông Phùng Bá N1 được Tòa án chấp nhận với số tiền 1.722.986 đồng. Bà T2 có đơn yêu cầu miễn án phí với lý do là người cao tuổi là có căn cứ nên chấp nhận miễn án toàn bộ phí cho bà T2.

[25] Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm: Bị đơn bà Trương Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M, ông Hà Minh T5 phải

chịu phí dân sự sơ thẩm với số tiền 23.282.224 đồng đối với phần đất được ổn định và giao quyền sử dụng đất trong quan hệ tranh chấp thừa kế. Bà Trương Thị T3 có đơn yêu cầu miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên chấp nhận miễn án phí cho bà T3 với số tiền 3.326.032 đồng, bà Hà Ngọc C thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí với số tiền 3.326.032 đồng, phần còn lại Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc M, ông Hà Minh T5 phải liên đới chịu với số tiền 16.630.160 đồng.

[26] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phùng Bá N1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Hà Ngọc T2 được chấp nhận với số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3, Điều 166, 167, 168 Luật đất đai 2013; Điều 609, 611, 612, 613, 614 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Ngọc T2 và ông Hà Văn T (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Đặng Thị Á, ông Hà Thanh L, Hà Văn T11. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phùng Bá N1.

[3] Về hàng thừa kế: Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1 gồm có: Ông Hà Văn T8, ông Hà Văn T và bà Hà Ngọc T2.

[4] Về di sản thừa kế: Xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 do hộ bà Trần Thị L1 đứng tên chủ sử dụng có tổng diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.499m², tại các thửa đất 523 diện tích 760m² loại đất Q, thửa đất 524 diện tích 100m² loại đất T, thửa đất 525 diện tích 4.589m², loại đất Q, sau khi cắt ven sông T, diện tích 300m², tổng diện tích còn lại của Hộ Trần Thị L1 được sử dụng là 5.149m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Cần Thơ (cũ); nay là: Ấp H, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Phần đất có tổng diện tích đo đạc thực tế là 5.153m², loại đất ODT và CLN và căn nhà có ký hiệu (a), tại phần đất có vị trí (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày

28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 là di sản thừa kế của bà Trần Thị L1.

[5] Giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T gồm: Ông Hà Đăng T1 và bà Đặng Thị Á, ông Hà Thanh L được quyền sử dụng phần đất số (7), loại đất CLN, có diện tích 1.448,7m². Trong đó có 67,3m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông.

[6] Giao cho bà Hà Ngọc T2 được quyền sử dụng phần đất có tại vị trí số (5), loại đất CLN, diện tích 1.098,8 m². Trong đó có 69,2m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông.

[7] Ổn định sử dụng và giao cho những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm: Bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M và ông Hà Minh T5 được quyền sử dụng các phần đất: Vị trí số (3) có tổng diện tích 793,7m², trong đó có: 40m² loại đất ODT, có 10 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông và 753,7m², loại đất CLN, có 34,3 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông; vị trí số (4), loại đất CLN, có diện tích 509,5m², có 31,9 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông; vị trí số (6) loại đất CLN, có diện tích 954m².

[8] Các phần đất được ổn định và giao quyền sử dụng đất nêu trên thuộc Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (có kèm theo lược đồ).

[9] Bà Hà Ngọc T2, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T, người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[10] Buộc những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm: Bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M và ông Hà Minh T5 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 1.951.933đồng (một triệu chín trăm năm mươi một nghìn chín trăm ba mươi ba đồng) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T gồm: Ông Hà Thanh L, Hà Đăng T1 và bà Đặng Thị Á; trả số tiền 62.484.633đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng) cho bà Hà Ngọc T2.

[11] Buộc ông Phùng Bá N1 phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00497 ngày 21/10/1997 cấp cho hộ bà Trần Thị L1 cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1 gồm: ông Hà Văn T (chết) có người kế thừa quyền và

nghĩa vụ tố tụng ông Hà Thanh L, Hà Đăng T1 và bà Đặng Thị Á; bà Hà Ngọc T2; ông Hà Văn T8 (chết) có người thừa kế chuyển tiếp gồm: bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M và ông Hà Minh T5.

[12] Buộc bà Hà Ngọc T2 phải trả lại cho ông Phùng Bá N1 số tiền 34.459.721 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi một đồng). Trong đó: nợ gốc: 25.528.367 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng), lãi suất 8.931.354 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng).

[13] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của ông Phùng Bá N1 về việc yêu cầu bà T2 trả lại số tiền 14.459.633 đồng (mười bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

[14] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Ngọc T2, ông Hà Văn T (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Hà Thanh L, Hà Đăng T1 và bà Đặng Thị Á về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà do bà L1 chết để lại có ký hiệu (a), tại phần đất có vị trí (3) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1. Nguyên đơn bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T do ông Hà Thanh L đại diện xác định không tranh chấp với những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[15] Đối với phần đất có vị trí số số (1) có tổng diện tích 204,7m², trong đó có 60m², loại đất ONT, có 15 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường bê tông, và 144,7m² loại đất CLN là phần lối đi vô mộ; phần đất có vị trí số (2) có diện tích 143,6m², loại đất CLN, là phần đất mộ, bà T2, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T và những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 thống nhất sử dụng chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[16] Đối với căn nhà (b) tại phần đất có vị trí (4), căn nhà (c) tại phần đất có vị trí (6) và toàn bộ toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây trồng gắn liền trên đất toàn bộ phần đất tại vị trí (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) theo Mảnh trích đo địa chính số 26/SHC ngày 28/4/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1, nguyên đơn bà T2, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T do ông Hà Thanh L đại diện xác định không tranh chấp với những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[17] Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm bà Trương Thị T3, Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M và ông Hà Minh T5 cũng không tranh chấp với nhau về việc chia tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

[18] Trong trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[19] Về chi phí tố tụng: Với tổng số tiền 13.299.000đồng (mười ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) ông Hà Thanh L nộp xong. Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 phải trả lại cho ông Hà Thanh L số tiền 5.823.000đồng (năm triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng), bà Hà Ngọc T2 phải trả cho ông Hà Thanh L số tiền 3.738.000đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn T phải liên đới chịu số tiền 3.738.000đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

[20] Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ chịu cụ thể như sau:

[21.1] Nguyên đơn ông Hà Văn T có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Đặng Thị Á, ông Hà Thanh L, Hà Đặng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 12.628.851 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn tám trăm năm mươi một đồng). Miễn án phí cho bà Đặng Thị Á với số tiền 4.209.617 đồng (bốn triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm mười bảy đồng), phần còn lại ông Hà Thanh L và Hà Đặng T1 phải liên đới chịu với số tiền 8.419.234 đồng (tám triệu bốn trăm mười chín nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng).

[21.2] Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hà Ngọc T2.

[21.3] Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Hà Văn T8 gồm: Bị đơn bà Trương Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc C, Hà Ngọc M, ông Hà Minh T5 phải chịu phí dân sự sơ thẩm với số tiền 23.282.224 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng). Miễn án phí cho bà Trương Thị

T3 với số tiền 3.326.032 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai đồng); miễn án phí cho bà Hà Ngọc C với số tiền 3.326.032 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai đồng), phần còn lại Hà Mộng T6, Hà Mộng T7, Hà Ngọc B, Hà Ngọc M, ông Hà Minh T5 phải liên đới chịu với số tiền 16.630.160 đồng (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng).

[21.4] Ông Phùng Bá N1 phải chịu án phí với số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), ông N1 được khấu trừ số tiền 998.000đồng (chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007845 ngày 20 tháng 5 năm 2024, ông N1 được nhận lại số tiền 698.000đồng (sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[22] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[23] Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục TAHDS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Long Trị;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu